TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 69/2023/QĐST-HNGĐ	*Mỏ Cày Bắc, ngày 11 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 168/2023/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 7 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990.

Địa chỉ nơi cư trú: ấp P, xã X, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

Anh Đào Duy T, sinh năm 1987.

Địa chỉ nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi hòa giải đoàn tụ không thành, chị T và anh T thuận tình ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn của anh chị là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên công nhận.

[2] Về con chung: Chị T và anh T thỏa thuận sau khi ly hôn anh T sẽ trực tiếp nuôi cháu Đào Thị Yến V, sinh ngày 17 tháng 01 năm 2011 hiện nay đang sống chung với anh T; chị Trang trực tiếp nuôi cháu Đào Thị Yến N, sinh ngày 02 tháng 3 năm 2016 hiện nay đang sống chung với chị T; anh T và chị T không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy sự thỏa thuận của anh chị phù hợp với nguyện vọng của cháu V và cháu N, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về chia tài sản khi ly hôn: Chị T và anh T trình bày không có tài sản chung và nợ chung nên không xem xét giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ nộp lệ phí Tòa án: Chị T và anh T mỗi người tự nguyện nộp lệ phí là 150.000 đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị T và anh Đào Duy T thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con chung: Anh Đào Duy T trực tiếp nuôi cháu Đào Thị Yến V, sinh ngày 17 tháng 01 năm 2011 hiện nay đang sống chung với anh T; chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi cháu Đào Thị Yến N, sinh ngày 02 tháng 3 năm 2016 hiện nay đang sống chung với chị T; anh T và chị T không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ là người không trực tiếp nuôi con có quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

- *Về chia tài sản khi ly hôn:* Chị Nguyễn Thị T và anh Đào Duy T trình bày không có tài sản chung và nợ chung nên không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án:

Anh Đào Duy T và chị Nguyễn Thị T mỗi người phải nộp lệ phí Tòa án là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo các biên lai thu số 000xxxx, 000xxxx, cùng ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre nên không phải nộp thêm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre
(Phòng KTNV và THA) (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- UBND xã T, huyện M,
tỉnh Bến Tre (ĐKKH số xx, ngày 10/02/2011) (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT (3b).

THẨM PHÁN

Huỳnh Việt Thiện